

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/FES(VN)/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng.

Ngày Cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (có giá trị đến ngày 17/8/2026).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MacCoffee Café PHỐ Cà Phê Sữa Latte Việt Nam.

2. Thành phần: Nước, đường, bột sữa gầy (4,3 %), bột kem, cà phê hòa tan 1,2 %, chất ổn định (471, 460(i), 340(ii), 407, 466), hương liệu tổng hợp, chất tạo màu caramen nhóm IV tổng hợp (150d), chất điều chỉnh độ acid 500(ii), muối ăn, chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali (950).

Thông tin dị ứng: Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì.

- Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm chứa trong lon và nắp nhôm được đóng gói như sau:

- Lon có thể tích thực ở 20 °C: 180 ml.

- khay giấy: 24 lon x 180 ml. Các lon trong khay được đóng gói 6 lon/ lốc, 4 lốc/ khay.

Chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phù hợp theo quy định do Bộ Y tế ban hành.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH NIHON CANPACK (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lô F-5-CN, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- Phù hợp với QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn (Phụ lục I, II).
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8, 2.5).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7).

2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một phần bởi các Thông tư số 17/2023/TT-BYT, Thông tư 08/2024/TT-BYT.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất: Theo tiêu chuẩn cơ sở số 02/FES(VN)/2026/TCCS ngày 12/03/2026 (Được đính kèm theo hồ sơ tự công bố).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Hân

Giám đốc nhà máy



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	Số: 02/FES(VN)/2026/TCCS
	MACCOFFEE CAFÉ PHỐ CÀ PHÊ SỮA LATTE VIỆT NAM	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/ hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Phạm vi:

Các chỉ tiêu và mức công bố áp dụng cho sản phẩm MacCoffee Café PHỐ cà phê sữa Latte Việt Nam.

2. Các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm:

2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ Y tế (Phụ lục II).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ml	100
2	Coliform	cfu/ml	10
3	E. coli	cfu/ml	Không được có
4	Streptococci faecal	cfu/ml	Không được có
5	Pseudomonas aeruginosa	cfu/ml	Không được có
6	Staphylococcus aureus	cfu/ml	Không được có
7	Clostridium perfringens	cfu/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ml	10

2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng:

Theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ Y tế (Phụ lục I).

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/l	1
2	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/l	1
3	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,05
4	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	0,05
5	Hàm lượng Thiếc (Sn)	mg/l	150

2.3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm:

Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế (Mục 1.8; 2.5).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Ochratoxin A	µg/kg	10

05006
CÔNG TY
TNHH
(VIỆT NAM)
Y BÌNH D

3. Danh mục phụ gia thực phẩm:

Theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/08/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một phần bởi các Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023, Thông tư 08/2024/TT-BYT ngày 24/05/2024 của Bộ Y tế (Nhóm sản phẩm 14.1.4).

4. Các chỉ tiêu về dinh dưỡng:

Các chỉ tiêu thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng theo Thông tư 29/2023/TT-BYT về Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố tối thiểu
1	Năng lượng (Tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/100 ml	≥ 50,41
2	Hàm lượng Chất đạm	g/100 ml	≥ 1,27
3	Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/100 ml	≥ 8,80

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố tối thiểu
4	Hàm lượng Đường tổng số	g/100 ml	$\geq 6,38$
5	Hàm lượng Chất béo	g/100 ml	$\geq 1,00$
6	Hàm lượng Chất béo bão hòa	g/100 ml	$\geq 0,94$
7	Hàm lượng Natri	mg/100 ml	$\geq 43,95$



166.5 mm

AUTHENTIC VIETNAMESE COFFEE TASTE

MacCoffee

CaféPHỞ®

HƯƠNG VỊ CÀ PHÊ VIỆT NAM ĐẶC TRƯNG

MacCoffee

CaféPHỞ®

VIETNAMESE
DOLCE LATTE

CÀ PHÊ
SỮA LATTE
VIỆT NAM

Net volume at 20°C: 180 ml

Product image is for illustration purposes only

Thể tích thực ở 20°C: 180 ml

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 ml	% giá trị dinh dưỡng hàng ngày (NVI)	
Năng lượng	71 Kcal	4 %	
Chất đạm	1,79 g	4 %	
Carbohydrat	12,4 g	4 %	
Đường tổng số	8,98 g		
Chất béo	1,41 g	3 %	
Chất béo bão hòa	1,32 g	7 %	
Natri	61,9 mg	3 %	

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ độ ung nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.

Hướng dẫn sử dụng: lắc đều trước khi uống, có thể uống lạnh hoặc thêm đá.

Thành phần: Nước, đường, bột sữa gầy (4,3 %), bột kem, cà phê hòa tan 1,2 %, chất ổn định (471, 460(i), 340(i)), 407, 466), hương liệu tổng hợp, chất tạo màu caramen nhóm IV tổng hợp (150d), chất điều chỉnh độ acid 500(i), muối ăn, chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali (950).

Thông tin để ứng: Sản phẩm có chứa sữa (contains milk). Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm. Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát và tránh ánh sáng trực tiếp.

Sản xuất tại Việt Nam PTMCCOMX-VN251

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH NHON CANPACK (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lô F-5-CU, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, P. Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Việt Nam.

Chịu trách nhiệm về hàng hóa bán: CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)

Địa chỉ: 58/11 Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa 12, Hồ Chí Minh Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 274 3767188

Fax: (+84) 274 3767128

HSD: xem trên bao bì.

MSX: 18 tháng trước HSD.

Theo những quyền của FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.

(A member of Food Empire Holdings Limited)



Quality Producer
ISO 22000 - HACCP



8 936024 241339

106.2 mm





AR-25-VD-241890-03-VI / EUVNHC-00387552 - 01- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa

Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : LX2R2512020082

Mã số mẫu : 743-2025-00240087

Mã số Eol :

005-32410-610902

Tên mẫu :

MacCoffee CaféPHỐ Cà Phê Sữa Latte Việt Nam

Tình trạng mẫu :

Mẫu đóng lon kín

Ngày nhận mẫu :

03/12/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 10/12/2025

Thời gian thử nghiệm :

05/12/2025 - 10/12/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD326 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí (35°C)	cfu/ ml	AOAC 990.12	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD0G7 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD335 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ ml	AOAC 991.14	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2024) (Tham khảo ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
6	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
7	VD6XM VD (a) <i>Fecal streptococci</i>	cfu/ ml	CMMEF - tái bản lần thứ 5 2015 (APHA) - Chương 10	Không phát hiện (LOD=1)
8	VD385 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
9	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
11	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD887 VD (a) Thiếc (Sn)	mg/ l	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.1)
13	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
14	VDKCC VD Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.02)
15	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)



AR-25-VD-241890-03-VI / EUVNHC-00387552 - 01- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00240087

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/03/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-25-VD-241890-02/743-2025-00240087, xuất ngày 25/02/2026; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





AR-25-VD-252719-02-VI / EUVNHC-00387552- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : LX2R2512020082

Mã số mẫu : 743-2025-00240086

Mã số Eol :

005-32410-610901

Tên mẫu :

MacCoffee CaféPHỐ Cà Phê Sữa Latte Việt Nam

Tình trạng mẫu :

Mẫu đóng lon kín

Ngày nhận mẫu :

03/12/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 08/12/2025

Thời gian thử nghiệm :

05/12/2025 - 24/12/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77	12.4
2	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3497	0.65
3	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	1.79
4	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3498	1.41
5	VD210 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3496	89.2
6	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 ml	AOAC 991.43	0.56
7	VD9T0 VD (m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77	71.0
8	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
9	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	1.79
10	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	8.98
12	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	7.19
14	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ l	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	619
15	VDSZT VD (a) Chất béo bão hoà	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	1.32

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



AR-25-VD-252719-02-VI / EUVNHC-00387552- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



 Nguyễn Anh Vũ
 Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

 Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/02/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/02/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hai Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hai Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hai Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hai Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-25-VD-252719-01/743-2025-00240086, xuất ngày 05/01/2026; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





Bảng thành phần dinh dưỡng (Thị trường Việt Nam)/ Nutrition Label (Vietnamese market)

Mã số mẫu / Sample code Nr. : 743-2025-00240086

Mã số kết quả / Analytical Report Nr. : AR-25-VD-252719-02 / EUVNHC-00387552

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 ml		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	71	kcal	4%
Chất đạm	1.79	g	4%
Carbohydrat	12.4	g	4%
Đường tổng số	8.98	g	
Chất béo	1.41	g	3%
Chất béo bão hòa	1.32	g	7%
Natri	61.9	mg	3%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.